

Số: 199/2024/QĐST-DS

phúc

K, ngày 31 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 191/2024/TLST – DS ngày 22/11/2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số B phố C, phường D, quận E, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông N Đ L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông M X T – Chức vụ: Giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản (Theo văn bản ủy quyền số 10771/UQ-PVB, ngày 10/6/2020). Ủy quyền lại cho:

- Bà H V H – Chức vụ: Phó Giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản (Theo văn bản ủy quyền số 6681/UQ-PVB, ngày 01/4/2024)

- Ông T V D – Chức vụ: Giám đốc khách hàng Không tài sản bảo đảm – Phòng Quản lý khách hàng không tài sản bảo đảm – Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản

- Ông Đ M T – Chức vụ: Chuyên viên Quản lý khách hàng – Phòng Quản lý khách hàng không tài sản bảo đảm – Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản
(Theo văn bản ủy quyền số 21903/UQ-PVB ngày 02/10/2024)

Bị đơn: Ông N D S, sinh năm 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố F, thị trấn G, huyện H 1, tỉnh Bắc Giang

Nơi cư trú: Thôn I, xã L, huyện K, thành phố Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ:

Theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng số: 0910/2020/HĐTD/PVB-TTBHN-HAN đã được ký kết ngày 03/11/2020 giữa ông N D S và Ngân hàng A (sau đây viết tắt là “Hợp đồng tín dụng”); tính đến ngày 23/12/2024, ông N D S còn nợ Ngân hàng A số tiền là 222.384.468 đồng (trong đó Nợ gốc là 116.929.836 đồng; Nợ lãi trong hạn là 12.252.035 đồng; Nợ lãi quá hạn là 82.423.055 đồng; Nợ lãi chậm trả là 3.766.289 đồng và phí là 7.013.253 đồng). Cụ thể từng khoản vay là:

- Khoản vay trả góp: Nợ gốc là 112.578.960 đồng; trong hạn là 12.252.035 đồng; Nợ lãi quá hạn là 75.414.466 đồng; Nợ lãi chậm trả là 3.766.289 đồng. Tổng số là 204.011.750 đồng.

- Khoản vay thẻ tín dụng: Nợ gốc là 4.350.876 đồng; Nợ lãi quá hạn là 7.008.589 đồng; Phí là 7.013.253 đồng. Tổng số là 18.372.718 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán:

Từ tháng 01 năm 2025 đến hết tháng 4 năm 2025, mỗi tháng ông N D S phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 23.000.000 đồng.

Chậm nhất đến ngày 31/5/2025 ông N D S phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 24.929.836 đồng.

Chậm nhất đến ngày 30/6/2025 ông N D S phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ còn lại là 105.454.632 đồng và số tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/12/2024 cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thứ tự thanh toán: Trừ hết vào nợ gốc trước, nợ lãi sau.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt tại bất cứ phòng dịch nào của Ngân hàng A.

Trường hợp ngày thanh toán nêu trên là ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì ngày trả nợ là ngày làm việc tiếp theo.

2.3. Về án phí:

Ông N D S phải chịu án phí vụ án dân sự sơ thẩm là 5.559.612 đồng.

Trả lại Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí là 5.345.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0065631 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKND huyện K;
- VKSND. TP Hà Nội;
- TAND. TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Ngân